

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 63/2005/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Ban hành "Quy chế không lưu hàng không dân dụng Việt Nam"
BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 267/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế không lưu hàng không dân dụng Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Quy tắc không lưu hàng không dân dụng Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2060/1998/QĐ-CHK ngày 23 tháng 7 năm 1998 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 3. Các ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

KHÔNG LƯU HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BGTVT

ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về quy tắc bay và dịch vụ không lưu hàng không dân dụng trên lãnh thổ Việt Nam và trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý, điều hành.
2. Quy chế này áp dụng đối với nhân viên không lưu, người lái, nhân viên khai thác điều hành bay, lập kế hoạch bay, không báo, thông tin, khí tượng hàng không, tìm kiếm - cứu nạn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến dịch vụ không lưu tại Việt Nam và trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý, điều hành.

Điều 2. Quy ước viết tắt

Trong Quy chế này, các chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. **ADS** (*Automatic dependent surveillance*): Giám sát tự động phụ thuộc.
2. **AFTN** (*Aeronautical fixed telecommunication network*): Mạng viễn thông cố định hàng không.
3. **AIP** (*Aeronautical information publication*): Tập thông báo hàng không.
4. **ALERFA** (*Alert phase*): Giai đoạn báo động.
5. **AMSL** (*Above mean sea level*): So với mực nước biển trung bình.
6. **ATIS** (*Automatic terminal information service*): Dịch vụ thông báo tự động tại khu vực sân bay (phát thanh bằng lời).
7. **ATS** (*Air traffic services*): Dịch vụ không lưu.

8. **CPDLC** (*Controller-pilot data link communications*): Liên lạc đường truyền dữ liệu giữa người lái và kiểm soát viên không lưu.
9. **D-ATIS** (*Data-Automatic terminal information service*): Dịch vụ thông báo tự động tại khu vực sân bay (sử dụng đường truyền dữ liệu).
10. **DETRESFA** (*Distress phase*): Giai đoạn khẩn nguy.
11. **FT** (*Foot/feet*): Đơn vị đo chiều cao tính bằng bộ.
12. **HF** (*High frequency*): Sóng ngắn (từ 3.000 đến 30.000 Ki-lô-héc).
13. **ICAO** (*International Civil Aviation Organization*): Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.
14. **IFR** (*Instrument flight rules*): Quy tắc bay bằng thiết bị.
15. **INCERFA** (*Uncertainty phase*): Giai đoạn hồ nghi.
16. **NOTAM** (*Notice to airmen*): Thông báo cho người lái.
17. **OFIS** (*Operational flight information service*): Dịch vụ thông báo bay.
18. **PSR** (*Primary surveillance radar*): Ra đa giám sát sơ cấp.
19. **QNH** (*Altimeter Sub-scale setting to obtain elevation when on the ground*): áp suất quy về mực nước biển trung bình theo khí quyển chuẩn.
20. **RNP** (*Required navigation performance*): Tính năng dẫn đường yêu cầu.
21. **RVR** (*Runway visual range*): Tầm nhìn đường cất hạ cánh.
22. **SMR** (*Surface Movement Radar*): Ra đa giám sát mặt đất.
23. **SSR** (*Secondary surveillance radar*): Ra đa giám sát sơ cấp/thứ cấp.
24. **VFR** (*Visual flight rules*): Quy tắc bay bằng mắt.
25. **VHF** (*Very high frequency*): Sóng cực ngắn (từ 30 đến 300 Me-ga-héc).
26. **VOR** (*VHF omnidirectional radio range*): Đài vô tuyến đa hướng sóng VHF.
27. **UTC** (*Coordinated universal time*): Giờ quốc tế.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Chiều cao**" là khoảng cách theo chiều thẳng đứng từ một mực được quy định làm chuẩn đến một mực khác, một điểm hoặc một vật coi như một điểm.
2. "**Chuyến bay IFR**" là chuyến bay được thực hiện theo quy tắc bay IFR.

3. "**Chuyến bay VFR**" là chuyến bay được thực hiện theo quy tắc bay VFR.
4. "**Chuyến bay VFR có kiểm soát**" là chuyến bay có kiểm soát được thực hiện theo quy tắc bay VFR.
5. "**Chuyến bay VFR đặc biệt**" là chuyến bay VFR có kiểm soát do cơ quan kiểm soát không lưu cho phép hoạt động trong khu vực kiểm soát trong điều kiện khí tượng thấp hơn điều kiện bay bằng mắt.
6. "**Chuyến bay có kiểm soát**" là chuyến bay được cung cấp dịch vụ kiểm soát không lưu.
7. "**Cơ quan không lưu**" là cơ quan kiểm soát không lưu, trung tâm thông báo bay hoặc cơ quan thủ tục bay.
8. "**Cơ quan kiểm soát không lưu**" là trung tâm kiểm soát đường dài, cơ quan kiểm soát tiếp cận, đài kiểm soát tại sân bay hoặc bộ phận kiểm soát mặt đất tại cảng hàng không quốc tế.
9. "**Cơ quan kiểm soát tiếp cận**" là cơ quan cung cấp dịch vụ kiểm soát không lưu cho các chuyến bay có kiểm soát trong vùng kiểm soát tiếp cận của một hoặc nhiều sân bay.
10. "**Cơ quan thủ tục bay**" là cơ quan được thành lập tại cảng hàng không, sân bay để nhận các báo cáo có liên quan đến dịch vụ không lưu và kế hoạch bay trước khi tàu bay khởi hành. Cơ quan thủ tục bay có thể thành lập riêng hoặc kết hợp với cơ quan không lưu hay cơ quan không báo đã có.
11. "**Dẫn đường khu vực**" là một phương pháp dẫn đường cho phép tàu bay hoạt động trên mọi quỹ đạo mong muốn trong tầm bao phủ của đài dẫn đường quy chiếu ở mặt đất hoặc trong tầm giới hạn khả năng của thiết bị tự dẫn trên tàu bay hoặc khi kết hợp cả hai.
12. "**Dịch vụ không lưu**" bao gồm dịch vụ thông báo bay, dịch vụ báo động và dịch vụ kiểm soát không lưu. Ngoài ra, ở những nơi có cung cấp thì dịch vụ thủ tục bay và dịch vụ đánh tín hiệu tại cảng hàng không cũng được coi là loại hình của dịch vụ không lưu.

13. "**Dịch vụ báo động**" là dịch vụ được cung cấp nhằm mục đích thông báo cho các cơ quan có liên quan về các tàu bay cần sự giúp đỡ của cơ quan tìm kiếm - cứu nguy và hỗ trợ của các cơ quan này theo yêu cầu

14. "**Dịch vụ kiểm soát không lưu**" là dịch vụ kiểm soát đường dài, dịch vụ kiểm soát tiếp cận, dịch vụ kiểm soát mặt đất tại cảng hàng không quốc tế và dịch vụ kiểm soát tại sân bay nhằm mục đích:

a) Ngăn ngừa các va chạm giữa các tàu bay với nhau và giữa các tàu bay với các vật chướng ngại trên khu hoạt động tại sân bay;

b) Thúc đẩy và duy trì một luồng không lưu điều hòa.

15. "**Dịch vụ kiểm soát đường dài**" là dịch vụ kiểm soát không lưu được cung cấp cho các chuyến bay có kiểm soát trong vùng kiểm soát đường dài.

16. "**Dịch vụ kiểm soát tiếp cận**" là dịch vụ kiểm soát không lưu được cung cấp cho các chuyến bay có kiểm soát trong vùng kiểm soát tiếp cận.

17. "**Dịch vụ kiểm soát tại sân bay**" là dịch vụ kiểm soát không lưu được cung cấp cho các chuyến bay trong khu vực kiểm soát tại sân bay.

18. "**Dịch vụ kiểm soát mặt đất tại cảng hàng không quốc tế**" là dịch vụ kiểm soát tại sân bay được cung cấp cho các hoạt động bay trên khu hoạt động tại sân bay trừ phần sử dụng cho cất cánh và hạ cánh.

19. "**Dịch vụ thông báo bay**" là dịch vụ được cung cấp nhằm mục đích đảm bảo các chỉ dẫn và tin tức hữu ích để tiến hành các chuyến bay một cách an toàn và hiệu quả.

20. "**Dịch vụ thông tin cố định hàng không**" là dịch vụ thông tin giữa những điểm cố định nhằm đảm bảo an toàn cho các hoạt động bay; điều hòa, hiệu quả và kinh tế của giao thông hàng không dân dụng.

21. "**Dịch vụ thông tin lưu động hàng không**" là dịch vụ thông tin lưu động giữa các đài hàng không dân dụng và các đài trên tàu bay, hoặc giữa các đài trên tàu bay với nhau, trong đó có thể có những đài của các phương tiện cứu hộ và các đài chỉ vị trí bị nạn hoạt động trên các tần số cấp cứu.